TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày 23 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Nga và bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Tuấn V, sinh năm 1991, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1968; vợ là bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 01 (một) người con sinh năm 2012.

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 28/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 15/02/2023, chấp hành xong hình phạt ngày 15/02/2023, nộp xong án phí hình hình sự sơ thẩm ngày 07/9/2020.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Tuấn Đ, sinh năm 1992, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Phan Văn P, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị T2,

sinh năm 1971; vợ là bà Nguyễn Thị Kiều T3, sinh năm 1991; có 02 (hai) người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2022.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 27/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

+ Công ty Cổ phần Đ1; địa chỉ: Số H đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ1: Ông Nguyễn Trần N, sinh năm 1971; nơi cư trú: khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số 69/GUQ-ĐNAG ngày 12/7/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Trần Hữu C, sinh năm 1972; nơi cư trú: khóm T5, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

+ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

+ Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số E, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

+ Ông Lê Văn Ả, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Anh P1 (vắng mặt);

+ Ông Hà Phong V1 (vắng mặt);

+ Ông Trần Văn B (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn H2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 24/11/2023, Phan Tuấn Đ điều khiển xe mô tô biển số 67K2-8952 chở Nguyễn Văn Tuấn V từ xã K đến thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; khi đi Đ mang theo 01 thanh kim loại (xà beng) màu đen, 01 lưỡi cưa màu đen, 01 kìm cắt. Đến khu vực Nhà máy N1, thuộc khóm T5, thị trấn M, thì phát hiện khung sắt lưới B40 bị hư, xung quanh không người, nên nảy sinh ý

định trộm cắp tài sản. Đ ngồi trên xe cảnh giới cho V lấy trộm 01 khung sắt lưới B40 chở đến cơ sở thu mua phế liệu của Lê Thị Mỹ D tại khóm M, thị trấn M bán được 80.000 đồng. Sau đó, V mượn 02 khóa vòng 19 của D rồi cùng Đ quay lại chỗ trộm trước đó để lấy trộm thêm 01 khung sắt lưới B40, trên đường mang đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra, còn xác định: Ngày 22/11/2023, Đ điều khiển xe mô tô biển số 67K2-8952 chở V đến khu vực khóm T, thị trấn M, phát hiện 02 khung cửa sắt nhà mồ của Trần Hữu C, xung quanh không có người, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Để thực hiện, Đ ngồi trên xe cảnh giới cho V vào lấy trộm 02 khung cửa sắt, sau đó đem bán tại cơ sở thu mua phế liệu của D được 180.000 đồng, cả hai mua ma túy để sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 02 khung sắt lưới B40, đã trả lại cho Công ty Cổ phần Đ1; 01 xe mô tô biển số 67K2-8952; 01 thanh kim loại (xà beng) màu đen; 01 lưỡi cưa màu đen; 01 kìm cắt; 02 khóa vòng.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG.TTHS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 02 khung sắt lưới B40, trị giá 352.750 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG.TTHS ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 02 khung cửa sắt, trị giá 2.100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKSCM ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T4 V và Phan Tuấn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Phan Tuấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, không oan và khai nhận: Do cần tiêu tiêu sài và sử dụng ma túy nên bị cáo và bị cáo Nguyễn Văn T4 V cùng nhau bàn bạc đi trộm cắp tài sản của người khác để bán. Trong 02 (hai) vụ trộm, bị cáo không nhớ ai là người rủ; bị cáo Nguyễn Văn T4 V là người trực tiếp lấy trộm tài sản; bị cáo là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Văn T4 V đi tìm tài sản lấy trộm và canh đường khi bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V thực hiện việc trộm. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T4 V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, không oan và khai nhận: Do cần tiêu tiêu sài và sử dụng ma túy nên bị cáo và bị cáo Phan Tuấn Đ cùng nhau bàn bạc đi trộm cắp tài sản của người khác để bán. Trong 02 (hai) vụ trộm, bị cáo không nhớ ai là người rủ; bị cáo là người trực tiếp lấy trộm tài sản; bị cáo Phan Tuấn Đ là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo đi tìm tài sản lấy trộm và canh đường khi bị cáo thực hiện việc

trộm. Đối với xe 01 xe mô tô biển số 67K2-8952, 01 thanh kim loại (xà beng) màu đen, 01 lưỡi cưa màu đen, 01 kìm cắt bị tạm giữ là tài sản của bị cáo và không yêu cầu nhận lại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Tuấn Đ từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 67K2-8952;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại (xà beng) màu đen, 01 lưỡi cưa màu đen, 01 kìm cắt, 02 khóa vòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được

thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Đối với:

- Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ khai mua ma túy của người lạ không rõ họ tên, địa chỉ ở khu vực xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ để sử dụng nhưng không thu giữ được vật chứng để giám định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C không xử lý là phù hợp.

- Bà Lê Thị Mỹ D có hành vi mua 02 khung sắt lưới B40 cho các bị cáo; đối với 02 khung cửa sắt, các bị cáo cho rằng đã bán cho bà Lê Thị Mỹ D nhưng bà Lê Thị Mỹ D xác định không có mua các tài sản này, ngoài lời khai của các bị cáo thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh. Đồng thời, bà Lê Thị Mỹ D không biết các tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C không xử lý là phù hợp.

- Ông Lê Thanh Q không biết hành vi của các bị cáo mượn 02 khóa vòng 19 để đi trộm cắp tài sản của người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C không xử lý là phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và vật chứng được thu giữ; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/12/2023; Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG.TTHS ngày 05/02/2024 và số 25/KL-HĐĐG.TTHS ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 22/11/2023, tại khóm T5, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ lén lút chiếm đoạt 02 khung cửa sắt, trị giá 2.100.000 đồng của ông Trần Hữu C.

Lần 2: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 24/11/2023, tại khóm Thị 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ lén lút chiếm đoạt 02 khung sắt lưới B40, trị giá 352.750 đồng của Công ty Cổ phần Đ1.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T4 V và bị cáo Phan Tuấn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, là tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T4 V và bị cáo Phan Tuấn Đ về tội danh và Điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm minh bằng pháp luật, nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố ý thực hiện. Xuất phát từ lối sống thiếu rèn luyện phẩm chất, đạo đức; do tham lam, lười biếng lao động, nhưng lại muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động cực nhọc, các bị cáo đã bàn bạc, câu kết với nhau, lợi dụng lúc vắng người, sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại để cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên thuộc trường hợp đồng phạm nhưng các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa hành vi, vai trò của từng bị cáo để khi quyết định có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đang có một tiền án về tội "Cướp giật tài sản". Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, cố gắng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lao động chân chính để giúp ích cho gia đình, xã hội và làm tấm gương tốt để nuôi dạy con cái. Không làm được điều này, với lối sống thiếu rèn luyện, bị cáo tiếp tục sa vào con đường nghiện ngập, để có tiền tiêu xài và sử dụng mà túy, bị cáo đã bàn bạc với bị cáo Phan Tuấn Đ để cùng nhau đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.453.750 đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân; tự thú lần phạm tội ngày 22/11/2023 (lần 1). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 (hai) lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người bị hại, trong đó: giá trị tài sản bị chiếm đoạt lần 1 là 2.100.000 đồng và lần 2 là 352.750 đồng. Mặc dù lần chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần Đ1, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 352.750 đồng nhưng bị cáo là người đang có một tiền án về tội "Cướp giật tài sản" nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, mức hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn bị cáo Phan Tuấn Đ.

Đối với bị cáo Phan Tuấn Đ, bản thân bị cáo người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; có sức khỏe và điều kiện làm ăn chân chính. Lẽ ra, bị cáo phải biết chăm chỉ lao động, tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân và trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và làm tấm gương tốt để nuôi dạy con cái. Ngược lại, với lối sống thiếu rèn luyện, bị cáo sa vào con đường nghiện ngập. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, bị cáo cùng bàn bạc với bị cáo Nguyễn Văn T4 V đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Văn T4 V đi tìm tài sản lấy trộm và cảnh giới, canh đường cho bị cáo Nguyễn Văn T4 V lấy trộm tài sản của những người bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.453.750 đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự thú lần phạm tội trước (lần 1); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm tương xứng

hành vi, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo là những người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại thì các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đối với Công ty Cổ phần Đ1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với ông Trần Hữu C không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với bà Lê Thị Mỹ D và ông Lê Văn H1 không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền 80.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67K2-8952, bị cáo Phan Tuấn Đ cho rằng mua của người lạ, chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu; ông Lê Văn Ả xác định đã bán xe mô tô này cho người lạ nên không có ý kiến đối với xe mô tô biển số 67K2-8952. Do đây là phương tiện bị cáo Phan Tuấn Đ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 thanh kim loại (xà beng) màu đen, 01 lưỡi cưa màu đen, 01 kìm cắt là tài sản của bị cáo Phan Tuấn Đ nhưng bị cáo Phan Tuấn Đ không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 khóa vòng là tài sản của bà Lê Thị Mỹ D nhưng bà Lê Thị Mỹ D không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T4 V và bị cáo Phan Tuấn Đ cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T4 V 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 28/4/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Tuấn Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 27/5/2024 (ngày bị bắt tạm giam trong vụ án khác).

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 67K2-8952, số máy: VDP152FMH203608, số khung: VDPPCH0012P2056608, số loại: C110, màu xanh.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thanh kim loại (xà beng) màu đen, dài 40cm;

- 01 (một) miếng kim loại (lưỡi cưa sắt) màu đen, dài 17cm;

- 02 (hai) khóa vòng kim loại màu trắng;

- 01 (một) kìm cắt dài 24cm, cán cao su màu vàng đen;

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân huyện Chợ Mới)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn V và bị cáo Phan Tuấn Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Chợ Mới;
- CQTHAHS Công an huyện Chợ Mới;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang